

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Đức

Ông Lê Thanh Nhất

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hảo - kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1989 (có mặt)

-Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2021 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Xuân H ngày 23/03/2011 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ

chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014, hiện hai con đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm công nhân thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Xuân H trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ anh H, bà Q trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Trần Xuân H. Năm 2011 gia đình bà tổ chức cho anh H kết hôn với chị Bùi Thị B, sau khi kết hôn chị B về làm ăn chung sống cùng gia đình bà ngay. Quá trình chị B, anh H chung sống không thấy anh chị có mâu thuẫn gì không biết vì sao từ năm 2015 đến năm 2016 anh H, chị B sống ly thân đến nay. Về con chung anh chị có hai con chung Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014 hiện đang ở cùng chị B. Về tài sản, công nợ, công sức bà không nắm được. Trong quá trình giải quyết gia đình bà có nhận được các văn bản giấy triệu tập của Tòa án, bà có gọi điện và thông báo cho anh H biết. Sau đó cách đây khoảng 02 tháng anh H có về nhà bà có đưa các văn bản của Tòa án và giấy triệu tập cho anh H. Tuy nhiên anh H có nói do điều kiện công việc và dịch bệnh nên anh H không đến tòa án làm việc được. Hiện nay anh H chỉ nói là đang đi làm ở Hà Nội còn cụ thể ở đâu thì gia đình bà không biết. Nay chị B xin ly hôn anh H đó là việc của anh chị do anh chị tự quyết định bà không có ý kiến gì.

Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu Trần Quang V, cháu Trần Thị O: Các cháu hiện đang ở với mẹ, từ lâu bố không ở cùng 3 mẹ con, không thăm hỏi gì, bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Qua xác minh tại UBND xã X: Anh Trần Xuân H có hộ khẩu tại thôn N, xã X, huyện L. Năm 2011 anh H kết hôn với chị Bùi Thị B và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi kết hôn chị B về làm ăn chung sống cùng gia đình anh H ở thôn N, xã X. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu địa phương không nắm được. Thời gian gần đây chị B không chung sống cùng gia đình anh H nữa. Về con chung anh chị có hai con chung Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014 hiện đang ở cùng chị B. Về tài sản, công nợ, công sức không nắm được. Đối với anh Trần Xuân H

hiện nay không có mặt tại địa phương, anh H đi làm thỉnh thoảng vẫn về nhà tại thôn N, cụ thể anh H làm gì ở đâu địa phương không nắm được. Nay anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên. Đối với lao động như anh H, chị B tại địa phương có thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Chi phí nuôi trẻ nhỏ học tiểu học tại địa phương là từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Xuân H bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị B và anh Trần Xuân H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, dặt dờng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H. Đối với anh Trần Xuân H Tòa án đã báo gọi nhiều lần gia đình anh đã nhận giấy và gọi điện cho anh, sau đó anh về gia đình có giao giấy triệu tập của

Tòa án. Tuy nhiên anh H có nói với mẹ anh do điều kiện công việc và dịch bệnh nên anh không đến tòa án làm việc được. Việc anh H biết mình được toà án triệu tập để giải quyết việc chị B xin ly hôn chị nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc thể hiện anh H không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị B xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014, hiện hai con đang ở cùng chị B. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét việc nuôi con của chị B thấy rằng hiện các con vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, giáo dục, anh H thường xuyên vắng mặt. Nguyên vọng của các cháu cũng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên nên giao cho chị B trực tiếp nuôi hai con. Việc chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị B không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Trần Quang V, sinh ngày 21/7/2012, Trần Thị O, sinh ngày 03/7/2014, hiện hai con đang ở cùng chị B. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Anh H có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị B không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu

tiền số 0006074 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị B nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Lôi;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ